

**CÔNG TY TNHH SE PYUNG VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SE PYUNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SE PYUNG VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SE PYUNG VIET NAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107072254

**3. Ngày thành lập:** 29/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 22, khối B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4210        |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4220        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ thi công lắp đặt: thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị hệ thống chiếu sáng, thiết bị văn phòng, các sản phẩm cách âm và chống bụi, máy điều hòa không khí, thiết bị làm vệ sinh, thiết bị điện, thiết bị phòng lạnh, thiết bị tinh chế hơi, thiết bị phòng sạch, thiết bị chống ô nhiễm môi trường;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)<br>(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan cũng như hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia) | 4329        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức: SPK CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Do: *Phòng ĐKKD Văn phòng thuế quận Gumi*

Cấp ngày: 13/07/2012

Địa chỉ trụ sở chính: 16 Gumijungang-ro, 29-gil, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do, HÀN QUỐC

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: LEE SANG MIN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 13/03/1975

Dân tộc:

Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: M64929074

Ngày cấp: 15/11/2012

Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao và thương mại Hàn Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*310/1001 Seojeong Maeul 3 Danji Apt., Haengsin 3 - dong, Deoyang-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do, HÀN QUỐC*

Chỗ ở hiện tại:

*Số nhà 40, ngách 43/99 Trung Kính, tổ 9, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội